



Nagakawa[®]

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

 **Nagakawa**[®]

BỀN
Sẻ chia là gắn kết



1. 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**
- Tên tiếng Anh **NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **NAGAKAWA**
- Mã cổ phiếu **NAG**

LOGO

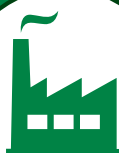


- Vốn điều lệ: 148.495.780.000 đồng
(Một trăm bốn tám tỉ, bốn trăm chín lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2500217389 cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 08 năm 2017
- Địa chỉ Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: (84-211) 3 873 568
- Fax: (84-211) 3 873 569
- Email: banquanhecodong@nagakawa.com.vn
- Website: www.nagakawa.com.vn

2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập năm 2002 tại Tỉnh Vĩnh Phúc, tên giao dịch Nagakawa Viet Nam joint venture company.

Năm 2002



Năm 2009

Ngày 22/09/2009 Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Nagakawa Việt Nam.



Năm 2007

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc; hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

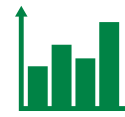


Ngày 16/02/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 70/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 762/UBCK-GCN.

Ngày 31/8/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 436/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 14.849.578 cổ phiếu.



Năm 2012



Năm 2010

Ngày 25/09/2010, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được quyết định số 651/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.

Năm 2017

Ngày 21/08/2017 kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty, Nagakawa chính thức đầu tư vào ngành Gia dụng và chuyển đổi hình thức Công ty, trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Đây là bước thành công lớn, đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển của Nagakawa.

Các thành tích đã đạt được

- Giải thưởng Thương hiệu gia đình tin dùng năm 2017
- Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương năm 2017
- Và các giải thưởng cao quý khác.



3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Nagakawa gồm:



ĐIỆN TỬ GIÁ DỤNG



Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Xây nhà các loại



Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Nagakawa®

BỀN

Sẻ chia là gắn kết



**ĐẢO GIÓ
3D**



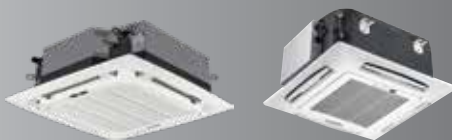
**MÔI CHẤT
MỚI R410A**



**ỐNG ĐỒNG
NGUYÊN CHẤT
RÀNH XOẢN**



**PHIN LỌC
CÔNG NGHỆ CAO**



Sản phẩm điện lạnh gia dụng



**Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước,
lò sưởi và điều hòa không khí**

Nhà hát Vĩnh Phúc

Chi tiết các ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Xây nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

- Mua bán máy móc, thiết bị y tế
- Mua bán dụng cụ y tế
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc)

- Sản xuất thiết bị điện khác

Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện

- Khai thác quặng sắt

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Chi tiết: Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Chi tiết:

- Cho thuê kho bãi
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng

NGOÀI RA

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng
- Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh
- Mua bán kim loại và quặng kim loại
- Sản xuất hàng may mặc
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép
- Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước

 **Nagakawa**[®]

BỀN
Sẻ chia là gắn kết





ĐỊA BÀN KINH DOANH

An Giang	Đà Nẵng	Hòa Bình	Quảng Ngãi	Hưng Yên
Bà Rịa - Vũng Tàu	Điện Biên	Hồ Chí Minh	Quảng Ninh	Khánh Hòa
Bắc Kạn	Đồng Nai	Tuyên Quang	Quảng Trị	Lai Châu
Bắc Giang	Đồng Tháp	Nam Định	Sóc Trăng	Lào Cai
Bắc Ninh	Gia Lai	Nghệ An	Sơn La	Lạng Sơn
Bến Tre	Hà Giang	Ninh Bình	Tây Ninh	Lâm Đồng
Bình Dương	Hà Nam	Ninh Thuận	Thái Bình	Long An
Bình Định	Hà Nội	Phú Thọ	Thái Nguyên	Trà Vinh
Cà Mau	Hà Tĩnh	Phú Yên	Thanh Hóa	Yên Bái
Cao Bằng	Hải Dương	Quảng Bình	Thừa Thiên - Huế	Vĩnh Long
Cần Thơ (TP)	Hải Phòng	Quảng Nam	Vĩnh Phúc	



KV Nha Trang



KV Tây Bắc



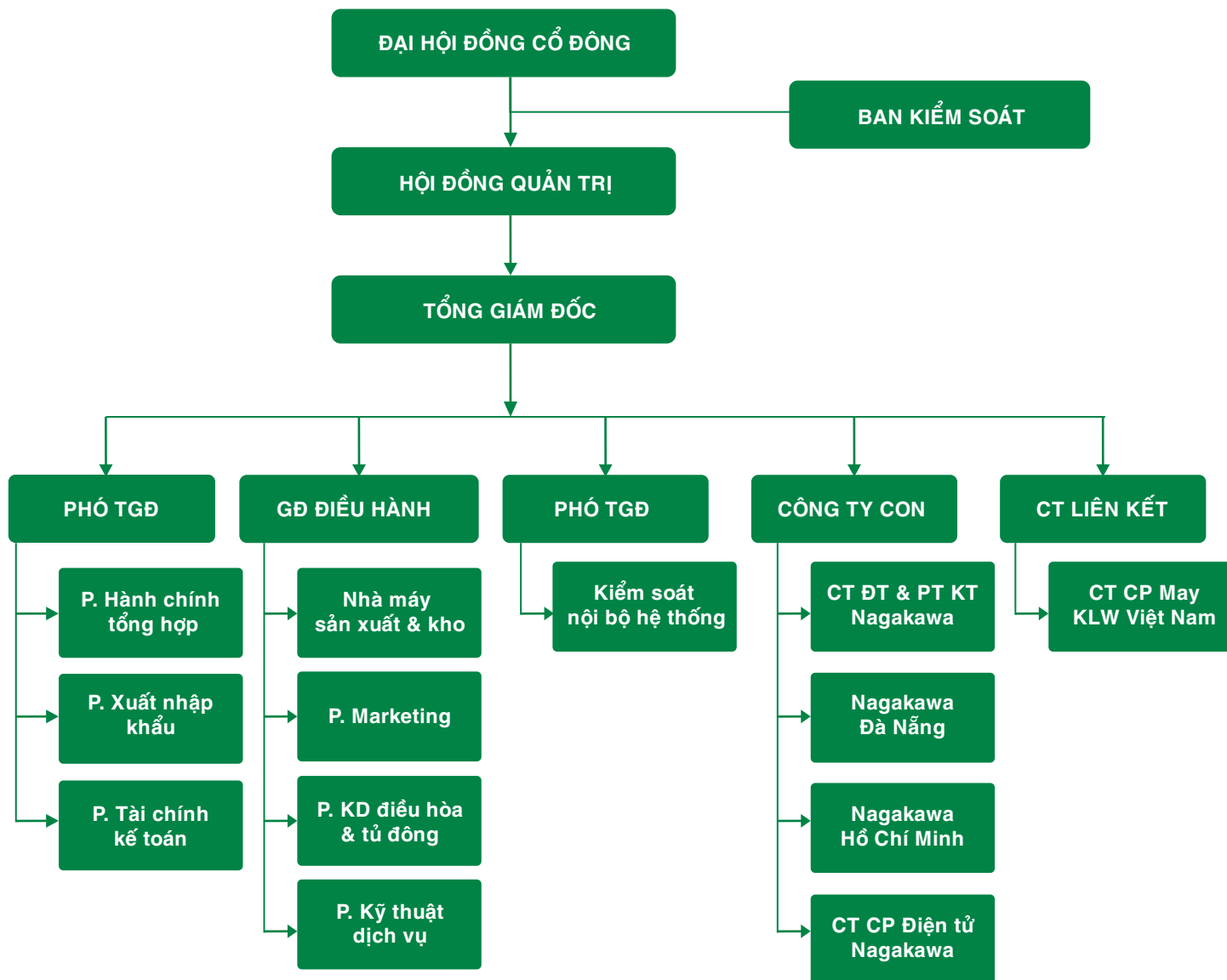
KV Tây Nguyên



KV Bắc Ninh

1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ bộ máy quản trị công ty



1.4.1. Các công ty con, công ty liên kết

1.4.1.1. Công ty con

■ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

- Tên viết tắt: Nagakawa – IDT.
- Địa chỉ đăng ký : Phúc Thắng - Phúc yên - Vĩnh phúc.
- Vốn điều lệ : 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 80% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 20% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Tư vấn - Thiết kế - Thi công các công trình Cơ điện & Điều hòa không khí cho các công trình Dân dụng và Công nghiệp.

■ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên viết tắt: Nagakawa Hồ Chí Minh - NAH
- Địa chỉ đăng ký : Số 31 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 9.700.000.000 (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)
Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, điện gia dụng.

■ Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng

- Tên viết tắt : Nagakawa Đà Nẵng - NAD
- Địa chỉ đăng ký : 225 Hà Huy Tập, P Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ : 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 52% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 48% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, điện gia dụng.

■ Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa

- Tên viết tắt : Nagakawa Điện tử - NAE
- Địa chỉ đăng ký : Tầng 2, số 96 A, Định Công, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm gia dụng

1.4.1.2. Công ty liên kết

■ Công ty CP May KLV Việt Nam.

- Tên viết tắt : KLV Việt Nam
- Địa chỉ đăng ký : Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh phúc.-
- Vốn điều lệ : 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 48% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 52% vốn điều lệ.
- Ngành nghề: Sản xuất hàng may sẵn, trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt

1.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

THUẬN LỢI

Mục tiêu cho ba năm tới là tiếp tục mở rộng thị phần và đầu tư, đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 9-10% đối với sản phẩm Điều hòa không khí, phát triển ngành hàng gia dụng trở thành một trong 3 thương hiệu gia dụng Việt lớn nhất trên thị trường; củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững. Theo đánh giá của Chính phủ, tình hình kinh tế xã hội trong nước những tháng đầu năm tiếp tục chuyển biến đạt kết quả khả quan, kinh tế vĩ mô vẫn đang đi vào ổn định.

- Việt Nam hội nhập sâu rộng với nhiều Hiệp định thương mại tự do được ký kết: FTA, TPP,... giúp đầu tư nước ngoài tăng mạnh, tạo nhiều cơ hội đầu tư mới hơn nữa cho chúng ta. Đồng thời mang lại động lực và điều kiện cho Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại vào năm 2020, nâng cao đời sống, tinh thần của người dân, khẳng định vị trí của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

- Nhờ những chính sách cạnh tranh đúng đắn và chiến lược Marketing phù hợp, cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ của CBCNV công ty, trong 2 năm 2016 và 2017, chúng ta tiếp tục đón nhận tình cảm và niềm tin của người tiêu dùng Việt, sản phẩm của chúng ta được khách hàng đón nhận rất nhiệt tình.

- Mở rộng thị phần ngành nghề mới, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may và gia dụng, sẽ tạo điều kiện cho chúng ta gia tăng doanh số và lợi nhuận các tháng tiếp theo của năm 2018.

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội vô cùng to lớn, nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù có nhiều thuận lợi ủng hộ ngành điện lạnh phát triển, nhưng chúng ta cũng không được chủ quan với những cảnh báo

Sự lên giá của đồng USD, trong khi đó, đồng Việt Nam hiện vẫn đang được neo giữ với USD sẽ có xu hướng tăng giá thực so với các đồng tiền còn lại. Điều này có thể gây ra những tác động tiêu cực tới hoạt động xuất khẩu và làm trầm trọng hơn tình trạng thâm hụt cán cân thương mại trong năm tới.

- Đồng Nhân dân tệ mất giá so với đồng VND sẽ thúc đẩy hàng hóa Trung Quốc tràn về Việt Nam với cường độ lớn hơn, nhập siêu từ Trung Quốc theo đó nhiều khả năng sẽ trầm trọng hơn.

- Tính chung giá dầu tăng 12% trong năm 2017 nhờ nhu cầu tăng mạnh và dự trữ dầu toàn cầu giảm.

- Thời tiết đang diễn biến phức tạp, không theo quy luật nên khó dự báo trước, nắng hạn ở miền Tây và Tây Nguyên lan sang cả miền Trung, ngập mặn đã làm cho nhiều tỉnh mất mùa, ảnh hưởng nặng nề đến chi tiêu và xu hướng tiêu dùng của người dân.

- Đầu tư nước ngoài tăng nhanh nên lao động ngày càng khó khăn, tiền lương, công tăng làm cho giá thành tăng cao. Và hội nhập sâu đã làm cho cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết, giá bán giảm làm cho lợi nhuận giảm.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và triển vọng các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn Nagakawa, HĐQT đề ra những mục tiêu cho năm 2018 như sau:

THÁCH THỨC

1.5.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát triển ngành hàng Gia dụng, đưa Tập đoàn Nagakawa vào top 3 ngành Gia dụng tại Việt Nam. Việc gia nhập thị trường này thể hiện cam kết của Nagakawa vào việc phát triển và áp dụng những công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm mới có giá trị cao phù hợp với thị trường Việt Nam và tâm lý tiêu dùng của người Việt. Chúng tôi hy vọng rằng bộ sản phẩm mới lần này sẽ làm phong phú thêm cho thị trường điện lạnh, gia dụng Việt Nam.

Đối với dòng sản phẩm truyền thống Điều hòa không khí:

ưu tiên cho công tác phát triển sản phẩm mới chất lượng cao, tích hợp nhiều tính năng ưu việt, đặc biệt sử dụng môi chất gas R410A đáp ứng nhu cầu khắt khe của người tiêu dùng và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường Việt Nam, nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng cho dòng sản phẩm điều hòa:

- Điều hòa không khí TL
- Điều hòa không khí Temperate TK
- Điều hòa Inverter thế hệ mới
- Tiếp tục hoàn thiện các dòng sản phẩm VRV, đặc biệt là dòng ĐHKK Multi Inverter để phục vụ các công trình trọng điểm, chung cư cao cấp.

Đối với sản phẩm tủ đông:

Nagakawa tiếp tục phát triển với hơn 15 dòng tủ đông, tủ mát thế hệ mới, thiết kế sang trọng, đa tính năng phục vụ người tiêu dùng. Đặc biệt là dòng tủ đông cao cấp Nabio công nghệ xanh, thân thiện môi trường với ga R600.

Đẩy mạnh hoạt động Marketing nhằm giới thiệu sản phẩm mới tới người tiêu dùng cả nước, cụ thể là:

- Kiện toàn phòng Marketing với nhiều nhân sự chất lượng cao để có thể đưa ra các chính sách marketing sáng tạo, đổi mới và hiệu quả.
 - Tăng cường các hoạt động Marketing trên kênh truyền thống: hỗ trợ công tác bán hàng cho các đại lý với biển bảng, in ấn thiết kế phù hợp cửa hàng; truyền thông rộng rãi trên kênh truyền hình, Internet, mạng xã hội. Đồng thời tăng cường các hoạt động xã hội như tài trợ giải Golf, giải chạy, bóng đá giúp quảng bá hình ảnh và đưa thông tin tới đông đảo khách hàng, bao phủ thị trường trên diện rộng.
- Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng cả trước, trong và sau bán hàng. Đưa ra nhiều hơn nữa hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng. Đầu tư nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ khách hàng 24/24h.
- Bên cạnh đó là việc đẩy mạnh các chương trình bán hàng hấp dẫn, chính sách bán hàng tối ưu hỗ trợ các nhà phân phối, đại lý có điều kiện thuận lợi nhất để bán hàng được tốt hơn.
- Phát huy thế mạnh, tận dụng lợi thế cạnh tranh của thương hiệu Nagakawa. Xây dựng Nagakawa IDT trở thành một nhà thầu uy tín tại Việt Nam. Ưu tiên đầu tư cho mảng dự án nhằm gia tăng uy tín thương hiệu cũng như doanh số, lợi nhuận cho công ty.
- Tiếp tục đầu tư phát triển lĩnh vực Dệt may, mở rộng quy mô lĩnh vực kinh doanh, đón đầu những thuận lợi từ Hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới đầy triển vọng.

1.5.2. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiếp tục phấn đấu, cải tiến chất lượng, ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cho cán bộ công nhân viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên cùng tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội của công ty, cùng công ty phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

1.6. Các rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Khi Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều những khó khăn, thách thức như:

- Khi thị trường mở rộng, các công ty của nước ngoài cũng sẽ có những cơ hội thuận lợi để thâm nhập thị trường trong nước. Đặt trên cán cân, rõ ràng các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế nguồn lực như vốn, trình độ sản xuất và quản lý, kinh nghiệm thương trường lớn mạnh hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong nước. Điều này đặt doanh nghiệp Việt Nam trước nguy cơ không đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, dễ bị cạnh tranh, khó phát triển.
- Về vấn đề rào cản kỹ thuật và yêu cầu về xuất xứ hàng hóa nghiêm ngặt. Đối với các FTA Việt Nam mới ký kết, gia nhập gần đây thì các quy tắc xuất xứ đều theo xu hướng là gia tăng giá trị tại Việt Nam trong khu vực các nước gia FTA.
- Ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics ở Việt Nam chưa phát triển mạnh nên chi phí của nền kinh tế sẽ còn cao so với các quốc gia khác.

Hoạt động của Tập đoàn Nagakawa chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như thị trường tài chính tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Tập đoàn Nagakawa chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp của Công ty.

RỦI RO THƯƠNG MẠI VÀ TÀI CHÍNH

Đối với ngành Điện lạnh – Gia dụng, sự cạnh tranh tại thị trường Việt Nam vô cùng khốc liệt với sự tham gia của gần 100 hãng điều hòa với các chính sách bán hàng vô cùng hấp dẫn.

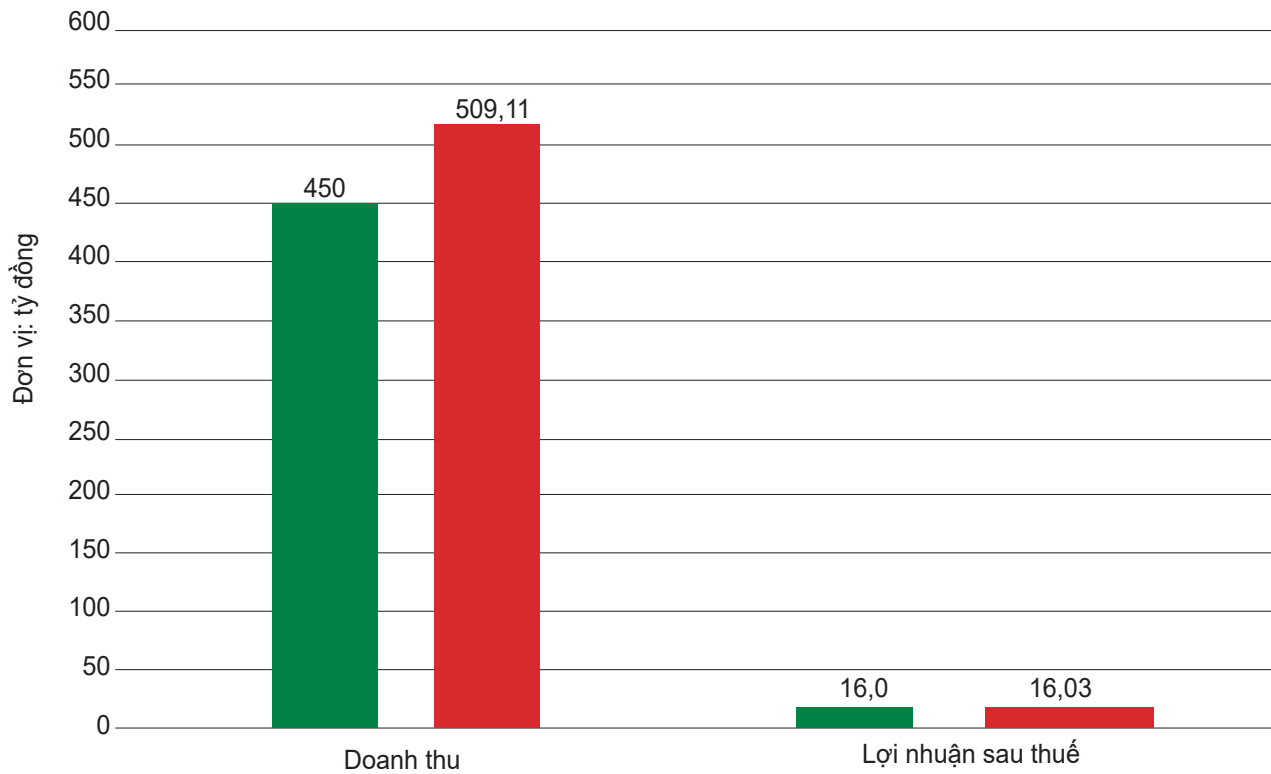
Trong hoạt động dự án công trình, rủi ro nằm ở thời gian công trình thi công chậm, khả năng tài chính dự án giới hạn; đối với mảng kinh doanh là hoạt động thu hồi nợ phải thu khách hàng

Rủi ro tài chính liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về luật thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán yêu cầu Công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



509,108,192,756
đồng **DOANH THU**

16,035,861,577
đồng **LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ HOÀN THÀNH
1	Doanh thu	450,000,000,000	509,108,192,756	113,1%
2	Lợi nhuận sau thuế	16,000,000,000	16,035,861,577	100,2%

Nhìn lại kết quả hoạt động năm 2017, chúng ta thấy được:

- Năm 2017, chúng ta đã tiếp tục tăng cường niềm tin từ đại lý và khách hàng trên cả nước, doanh thu tăng 30,4% so với năm 2016 và đạt 113% so với kế hoạch năm 2017, lợi nhuận tăng 39% so với năm 2016 và đạt 100,2% so với kế hoạch năm 2017. Đây là điều vô cùng quan trọng, khẳng định cách làm của chúng ta là đúng đắn, giúp chúng ta củng cố niềm tin vào thời gian tới.

Mặc dù đã có mức tăng trưởng đáng kể về doanh thu, nhưng lợi nhuận mới chỉ đạt kế hoạch, hiệu quả kinh doanh chưa lớn. Nhìn nhận lại chúng ta thấy có những nguyên nhân sau:

- Mặc dù sản lượng tăng nhưng giá bán giảm do sức ép từ cạnh tranh với hàng giá rẻ của Trung Quốc.
- Một số dự án chưa được quyết toán do chủ đầu tư thanh toán chậm.

Chưa có tăng trưởng vượt kế hoạch ở lợi nhuận, do:

- Chúng ta vừa gia tăng ngân sách Marketing để mở rộng thị phần.
- Áp dụng nhiều chương trình giảm giá và thúc đẩy bán hàng mạnh mẽ.



2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban điều hành và ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Khả

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc • Ngày sinh: 02/12/1959

- Nơi sinh : Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :

- Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc
- Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh
- Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội
- Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ
- Từ 2002 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa.

- Số cổ phần nắm giữ: 5.148.000 cổ phần



Ông Nguyễn Đức Khả
CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc • Ngày sinh: 13/10/1983

- Nơi sinh : Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

- Từ 2004 – 2006: Trưởng phòng HCNS Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2006 – 2008: Phó phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2008 – 2010: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa.
- Từ 2010 - nay: Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa.

- Số cổ phần nắm giữ: 607.603 cổ phần.



Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Đào Thị Soi

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh : Gia Bình – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính – Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ năm 2008 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần đại diện nắm giữ: 2.772.897 cổ phần (Công ty TNHH PT KT Quốc tế Anh Vũ)



Bà Đào Thị Soi
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Ngọc Quý

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 22/02/1978
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2013 – nay: Giám đốc khối dự án – Tập đoàn Nagakawa
 - Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT – Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 11.800 cổ phần.



Ông Nguyễn Ngọc Quý
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Trương Đào Hải Hà

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 12/10/1981
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
- Quá trình công tác :
 - Từ 2013 – 2015: Kế toán - CTCP Nagakawa Việt Nam
 - 2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP May KLV Việt Nam
 - Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.



Bà Trương Đào Hải Hà
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Huy Thị Dung

- Kế toán trưởng • Ngày sinh: 01/06/1979
- Nơi sinh : Hoài Đức – Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : KĐT Xa La – Hà Đông – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2002 - 2005: Kế toán trưởng - CTCP Lucky Star
 - Từ 2006 - 2007: Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2008 – 2010: Kế toán trưởng - Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội
- Từ 2010 – nay: Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 3.684 cổ phần.



Bà Huy Thị Dung
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Trưởng ban kiểm soát • Ngày sinh: 10/08/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2001 - 2003 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Media
 - Từ 2003 - 2006: Trưởng phòng sản xuất - Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2007 – 2013: Giám đốc nhà máy – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2014 - nay: Phó Giám đốc CT CP May KLV Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Bà Vũ Thị Hải Yến

- TV Ban kiểm soát • Ngày sinh: 13/11/1983
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Võ Cường – TP Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2005 - 2006: Kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Chi
 - Từ 2006 - 2013: Kế toán giá thành tại CTCP Nagakava Việt Nam
 - Từ 2015 đến nay: Kế toán tổng hợp tại công ty TNHH MTV Taxi Hà Nội Bắc Ninh
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Ông Vũ Tiến Thành

- TV Ban kiểm soát
- Ngày sinh: 17/08/1989
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Lương Tài – Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 2011 - 2014: Kỹ sư điện lạnh – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2014 - nay: Trưởng phòng KTDV – Tập đoàn Nagakawa.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.2.2 Lao động và chính sách với người lao động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của bất kỳ một doanh nghiệp nào và đào tạo nhân viên thông qua các chương trình nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Số lượng CBCNV đến hết năm 2017 là 400 người.

2.3.

Thay đổi thành viên HĐQT; Chủ tịch; Ban Tổng Giám Đốc; Ban kiểm soát; kế toán trưởng: Có

2.4. Chính sách đối với người lao động

3.552.400

đồng LƯƠNG TỐI THIỂU

4.012.500

đồng LƯƠNG VÙNG 1

Tăng mức lương tối thiểu vùng

- Thực hiện theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.

- Căn cứ quy định danh mục các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng.

- Căn cứ các văn bản liên quan.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa xin đăng ký mức lương tối thiểu vùng 2 với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 3.552.400 đồng/tháng/người, mức lương tối thiểu vùng 1 là 4.012.500 đồng/tháng/người kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và Công ty tự xây dựng thang bảng lương áp dụng cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

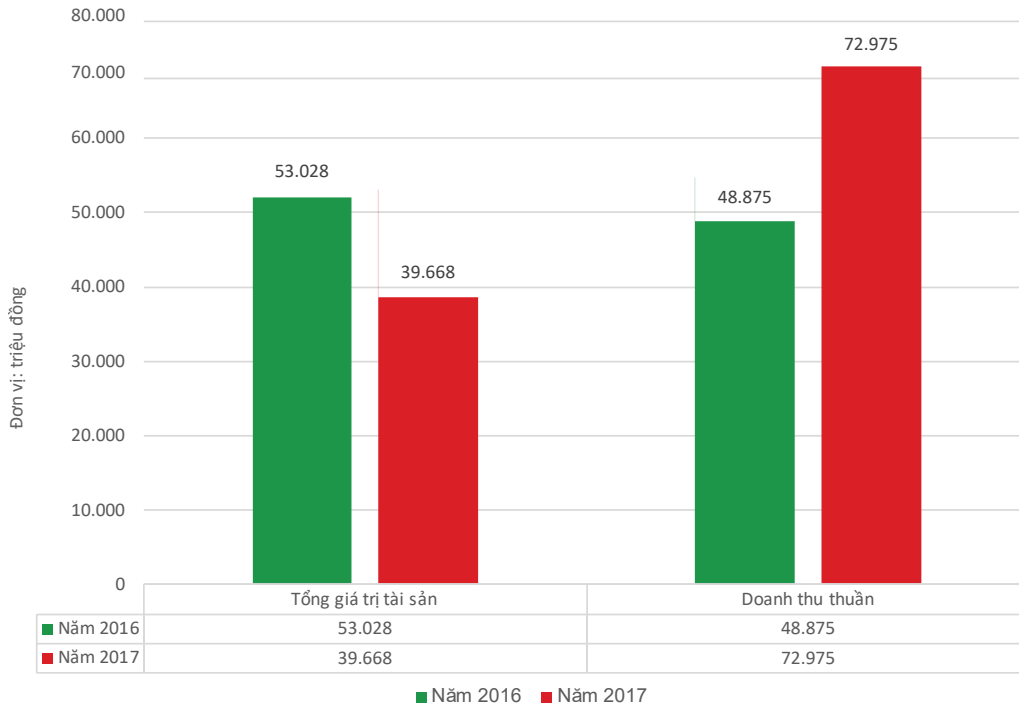


2.3. Tình hình hoạt động kinh doanh

2.3.1. Công ty con.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT NAGAKAWA (IDT)

IDT là công ty chuyên lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp



CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	53,028,189,605	39,668,752,303	75%
Doanh thu thuần	48,874,955,295	72,975,464,538	149%
Lợi nhuận từ HĐKD	251,795,208	288,721,944	115%
Lợi nhuận khác	96,611,098	(281,328,713)	(291)%
Lợi nhuận trước thuế	348,406,306	70,393,231	20%
Lợi nhuận sau thuế	168,348,453	(110,431,691)	(66)%

Đơn vị tính: VNĐ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA ĐÀ NẴNG

CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	7,093,063,714	13,101,182,038	185%
Doanh thu thuần	3,414,531,471	37,457,985,555	1097%
Lợi nhuận từ HĐKD	129,175,805	1,198,884,165	928%
Lợi nhuận khác	0	(46,822,672)	
Lợi nhuận trước thuế	129.116.398	1,152,061,493	892,3%
Lợi nhuận sau thuế	103.293.118	912,279,720	883,2%

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	18,069,696,309	26,854,691,835	148,6%
Doanh thu thuần	9,369,228,888	32,996,084,166	352,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	401,331,589	11,293,594	28,1%
Lợi nhuận khác	0	(7,547)	
Lợi nhuận trước thuế	401,331,589	11,286,047	28,1%
Lợi nhuận sau thuế	321,065,271	9,028,838	2,8%

Đơn vị tính: VNĐ

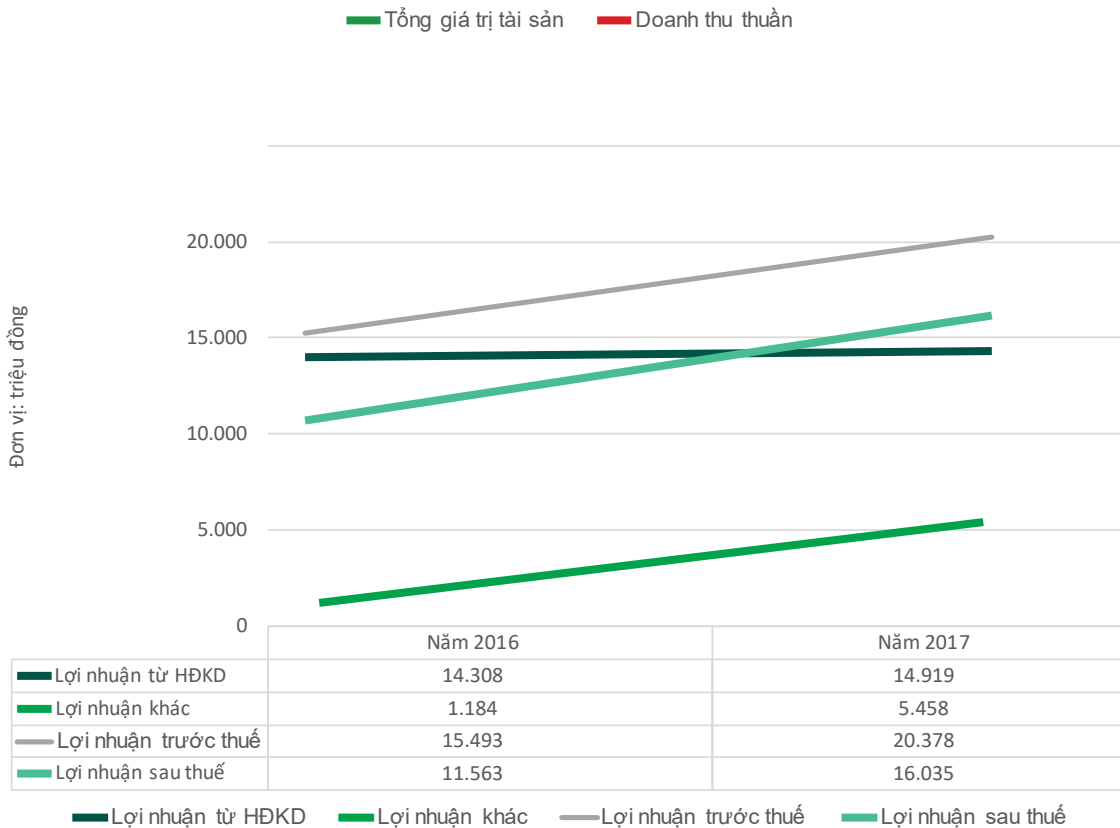
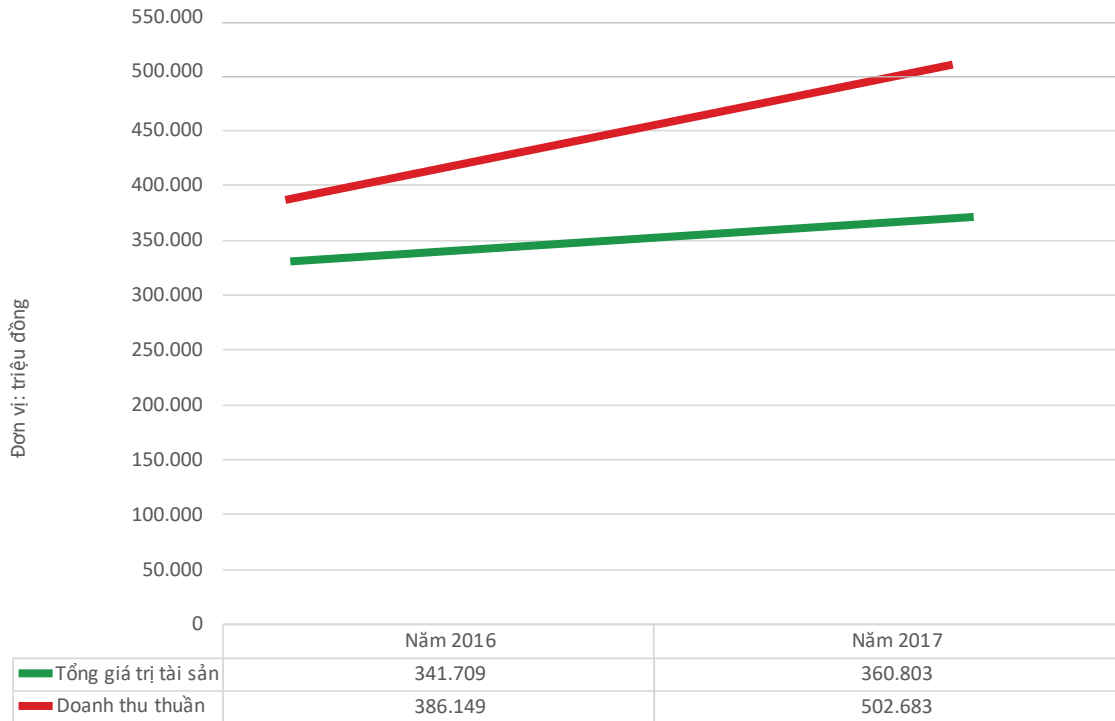


2.3.2. Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY KLV VIỆT NAM

CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	44,455,298,308	47,589,136,896	107,05%
Doanh thu thuần	70,656,106,322	78,551,669,754	111,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	3,343,991,961	2,533,140,494	75,75%
Lợi nhuận khác	(60,827,240)	(371,856,289)	611,3%
Lợi nhuận trước thuế	3,283,164,721	2,161,284,205	65,83%
Lợi nhuận sau thuế	3,283,164,721	2,161,284,205	65,83%

2.4. Tình hình tài chính của Tổng công ty



CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm
	<i>ĐVT: đồng</i>	<i>ĐVT: đồng</i>	
Tổng giá trị tài sản	341,709,917,728	360,803,445,945	5,6%
Doanh thu thuần	386,149,518,592	502,683,284,393	30%
Lợi nhuận từ HĐKD	14,308,763,934	14,919,718,376	4%
Lợi nhuận khác	1,184,661,359	5,458,419,870	361%
Lợi nhuận trước thuế	15,493,425,293	20,378,138,246	32%
Lợi nhuận sau thuế	11,563,004,209	16,035,861,577	39%

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,87	1,81
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,92	0,89

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,47	0,476
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,886	0,908

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

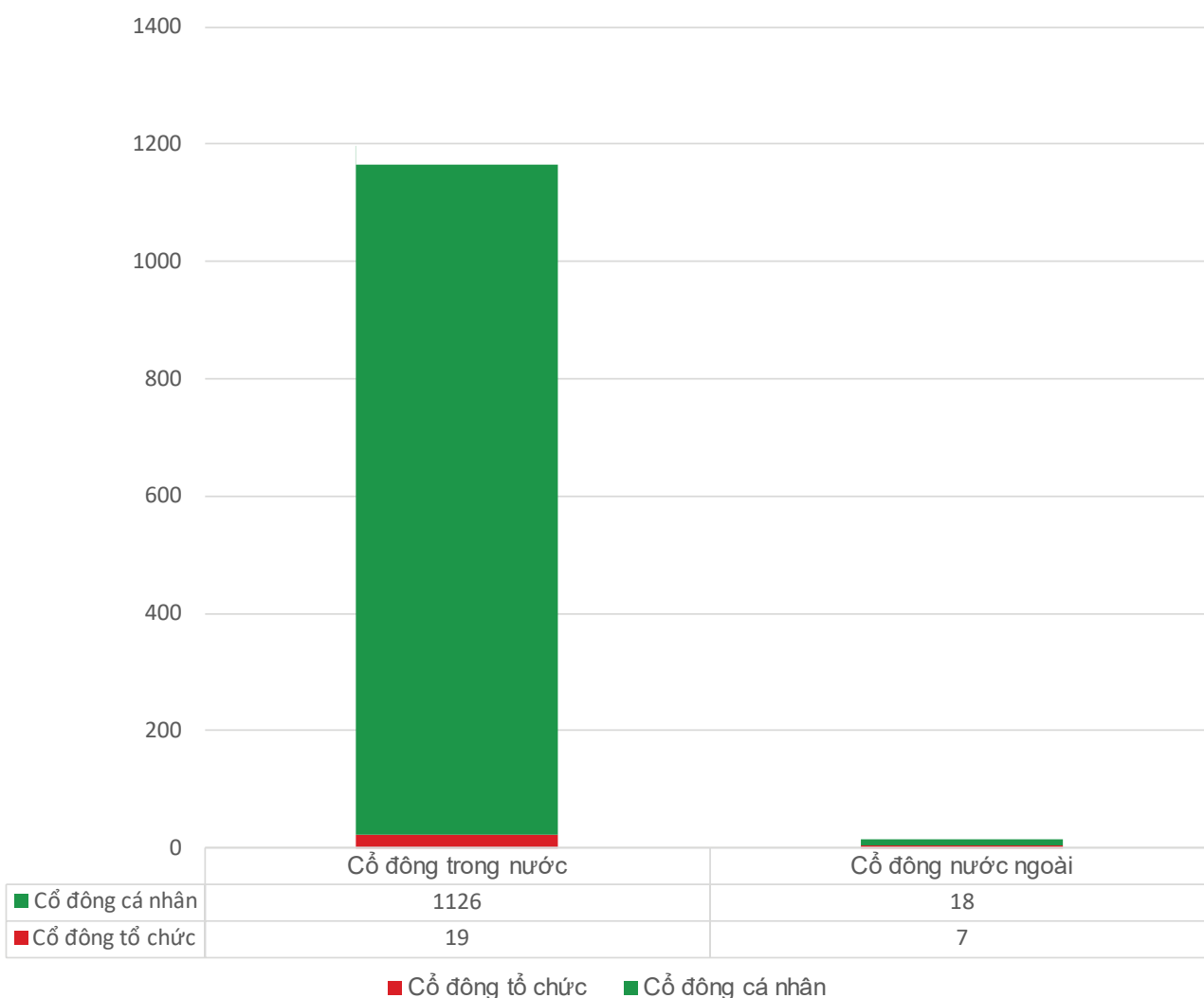
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,092	2,509
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,130	1,139

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,034	0,044
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,030	0,032
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,064	0,085

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông của Công ty



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần
I	Cổ đông trong nước	1126	14,235,645
1	Cổ đông tổ chức	19	2,993,502
2	Cổ đông cá nhân	1107	11,242,143
II	Cổ đông nước ngoài	18	613,931
1	Cổ đông tổ chức	7	397,000
2	Cổ đông cá nhân	11	216,931

2.5.2. Cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đức Khả	Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	027059000022	5,148,000	51,480	34,67%
2	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	0102001498	2,782,897	2,782	18,7%
3	Mai Thanh Phương	Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội	011401989	2,552,000	25,520	17,19%
4	Nguyễn Thị Huyền Thương	Nam Đồng - Đống Đa – Hà Nội.	012142742	607,603	1,100	0,74%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Vui lòng xem tại Báo cáo phát triển bền vững.

3.1. Đặc điểm môi trường kinh doanh

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Đối với ngành điện lạnh – gia dụng, năm 2017 là năm chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành. Hội nhập sâu rộng

và toàn diện dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trên thị trường, các hãng điều hòa không khí Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đua nhau sản xuất và đưa ra thị trường thị trường sản phẩm giá rẻ, làm cho sự cạnh tranh càng trở nên phức tạp và khốc liệt.

Bên cạnh đó, tốc độ giải ngân vốn đầu tư công (ĐTCC) chậm chạp vẫn là điểm nghẽn lớn nhất của tăng trưởng trong năm 2017. Các nhóm giải pháp ngắn hạn điều hành nền kinh tế hầu hết đều đã phát huy tác dụng, chỉ còn giải ngân vốn ĐTCC là chưa có giải pháp căn cơ để tháo gỡ cũng là những nguyên nhân gây ảnh hưởng lớn tới ngành điện lạnh - gia dụng.



6.81%

GDP 2017

3.2. Đánh giá kết quả kinh doanh 2017.

Kết quả hoạt động SXKD 2017:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
1.	Doanh thu:	450,000,000,000	502,683,284,393	111,8%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	16,000,000,000	16,035,861,577	100,2%

Năm 2017, doanh thu thuần đạt 111.8%, lợi nhuận sau thuế đạt 100.2% so với kế hoạch đề ra.

3.3. Những vấn đề khác của Công ty năm 2017

- Nhân sự: Trong năm 2017 Tập đoàn Nagakawa đã tập trung cải tiến cơ cấu tổ chức với đội ngũ nhân sự có trình độ cao, chuyên môn vững cũng như áp dụng chính sách quản lý hiện đại nhằm bảo đảm quyền lợi cho CBCNV và thu hút nhân lực..

- Công nghệ: Năm 2017, Công ty đã cho ra mắt các sản phẩm mới:

+ Nagakawa Inverter:

Điều hòa Inverter cao cấp thế hệ mới, tiết kiệm điện năng, đạt chuẩn 5 sao, hoạt động êm ái với độ bền cao.



+ Temperate TK:

Điều hòa không khí treo tường Nagakawa Temperate TK với thiết kế sang trọng, tinh tế, phù hợp với mọi không gian hiện đại.



Sản phẩm Gia dụng:

đầu tư vào chất lượng sản phẩm, bổ sung thêm những tính năng tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng - Thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường đầy đủ, đúng hạn, minh bạch.



3.4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2018.

3.4.1. Dự báo thị trường năm 2018:

Kinh tế thế giới:

- + Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 sẽ tăng và đạt mức 3,1%, tiếp tục thời kỳ tăng trưởng cao hơn dự đoán trong năm 2017.
- + Việc FED tăng lãi suất sẽ tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá USD.
- + Mỹ chính thức rút khỏi Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).
- + Các chuyên gia kinh tế cho rằng lạm phát leo thang và đồng USD mạnh lên cũng sẽ là hai yếu tố hiện hữu tạo ra thách thức đối với nền kinh tế thế giới, đe dọa làm giảm trao đổi thương mại toàn cầu
- + Hội nhập sâu rộng với nhiều Hiệp định được ký kết: FTA, TPP,... giúp đầu tư nước ngoài tăng mạnh, tạo nhiều cơ hội đầu tư mới hơn nữa cho chúng ta.

- Kinh tế trong nước:

- + Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục được duy trì bền vững trong trung hạn.
- + Mục tiêu đề ra năm 2018 là Chính phủ quyết tâm tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững
- + Kế hoạch mục tiêu GDP năm 2018 tăng trưởng 6,7%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%
- + Việc thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ sẽ là nhân tố quan trọng đối với tình hình kinh tế Việt Nam.



3.4.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2018.

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2017 và dự báo tình hình thị trường năm 2018, Tập đoàn Nagakawa đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:

600 tỷ đồng

DOANH THU

18 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

- Nhân sự:

Giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức nhân sự

- Công nghệ:

- + Tiếp tục tập trung phát triển theo hướng lấy sản xuất và kinh doanh sản phẩm điện lạnh - gia dụng làm lĩnh vực chủ lực, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến từng người tiêu dùng.
 - + Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm.
 - + Đầu tư kinh doanh sản xuất, phát triển sản phẩm mới.
 - + Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm.
 - + Tăng cường triển khai thi công các dự án lắp đặt máy điều hòa trung tâm cho các công trình xây dựng.
- choạt động kỹ thuật dịch vụ của công ty Nagakawa IDT. Xây

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1.Đánh giá các mặt hoạt động của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2017.

Năm 2017, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu tổ chức nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động. Tổng doanh thu thuần đạt 502,683,284,393đ, tăng 30% so với năm 2016; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 16,035,861,577đ, tăng 39% so với năm 2016.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý:
 - HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc theo đúng Điều lệ công ty một cách minh bạch thông qua việc quản lý, điều hành cũng như tham gia các buổi họp giao ban của Ban điều hành.
 - HĐQT cũng đã tiến hành họp các phiên thường kỳ để ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện.
 - Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã được quy định trong các văn bản liên quan.
 - Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc tại cuộc họp Hội đồng quản trị mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động điều hành và quản lý công ty; HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp một cách nghiêm túc và có trách nhiệm cao. Ban Tổng giám đốc đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả kinh doanh, lợi nhuận của Công ty năm 2017 là khá tốt.

4.2. Hoạt động của HĐQT năm 2017.

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và điều lệ của Tập đoàn Nagakawa. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của HĐQT một cách trung thực.

Đồng thời, nâng cao chất lượng quản trị và vận hành, chú trọng hơn nữa công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT	5,148,000 cổ phần	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó CT HĐQT	607,603 cổ phần	
3	Đào Thị Soi	TV HĐQT	2,772,897 cổ phần	Đại diện CT TNHH PT KT QT Anh Vũ
4	Nguyễn Ngọc Quý	TV HĐQT	11,800 cổ phần	
5	Trương Đào Hải Hà	TV HĐQT	0 cổ phần	Thành viên độc lập

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
công ty không thành lập tiểu ban nhưng có phân công 01 thành viên HĐQT phụ trách quản trị rủi ro.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Nguyễn T. Huyền Thương	Phó CT HĐQT	10/10	100%	
3	Đào Thị Soi	TV HĐQT	10/10	100%	
4	Nguyễn Ngọc Quý	TV HĐQT	10/10	100%	
5	Trương Đào Hải Hà	TV HĐQT	10/10	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: **Tốt**

5.2. Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	10/08/1977	011795441	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Vũ Tiến Thành	17/08/1989	125348724	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Vũ Thị Hải Yến	13/11/1983	125858357	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của công ty nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời đã tiến hành họp định kỳ và thực hiện các hoạt động sau:

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán.

5.3. Lương và thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2017

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị nhận thù lao 2% lợi nhuận trước thuế và Ban kiểm soát nhận 0,5% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017, nên Hội đồng quản trị nhận thù lao 0,5% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, Ban kiểm soát nhận thù lao 0,5% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông. Thù lao năm 2017 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được Đại hội cổ đông năm 2018 thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa trong năm 2018 như sau:

+ **Thù lao cho HĐQT:** Không quá 2% Lợi nhuận trước thuế năm 2018

+ **Thù lao cho BKS:** Không quá 0,2% Lợi nhuận trước thuế năm 2018.

Thù lao trả cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm, sau khi có lợi nhuận.

5.4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có

5.5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc

- Đối với người lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	242	100%
1	Thạc sỹ	07	3%
2	Đại học	205	85%
3	Cao đẳng	20	8%
4	Khác	10	4%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	242	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	50	20.7%
2	Hợp đồng xác định thời hạn	192	79.3%

Với phương châm nhân sự là giá trị cốt lõi trong hoạt động của Công ty, vì vậy Công ty luôn chú trọng xây dựng các chính sách nhân sự hợp lý cũng như môi trường làm việc để mang lại những giá trị toàn diện cho đội ngũ cán bộ công nhân viên

- **Môi trường làm việc:** Tập đoàn Nagakawa luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập, sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ cho CBCNV được Tập đoàn Nagakawa xây dựng trên cơ sở công bằng, minh bạch và tương xứng với năng lực, kết quả công việc. Chính sách được áp dụng xứng đáng, kịp thời; hệ thống đãi ngộ gồm:

- + Lương cơ bản (12 tháng)
- + Lương tháng thứ 13 được chi trả vào dịp Tết Nguyên đán
- + Các phụ cấp: điện thoại, ăn trưa, công tác phí, kiêm nhiệm,...
- + Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp.

- **Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn đề cao năng lực của người lao động cũng như tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc.

- Đối với cộng đồng – xã hội

- + Nâng cao tính công khai – minh bạch trong việc công bố thông tin trên thị trường.
- + Tập đoàn Nagakawa luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, các chương trình thiện nguyện: Giải chạy Nagakawa, Festival Niềm tin ánh sáng,....

- Đối với môi trường

- + Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường
- + Sử dụng, kiểm soát tốt hơn việc tiêu thụ năng lượng, nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; theo dõi việc tiêu thụ điện, nước, xăng dầu định kỳ hàng tháng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7.1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”

Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	312,162, ,991	299,865,987,242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	11,835,973,518	8,545,805,292
1. Tiền	111	8,835,973,518	5,272,805,292
2. Các khoản tương đương tiền	112	3,000,000,000	3,273,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		827,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	827,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	137,640,610,527	134,000,500,468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	99,905,903,909	82,914,338,817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	36,739,853,544	49,650,095,431
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2,800,000,000	3,980,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1,286,761,441	3,161,767,691
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3,091,908,367)	(5,705,701,471)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	
IV. Hàng tồn kho	140	160,381,293,161	152,756,761,847
1. Hàng tồn kho	141	160,902,236,877	155,566,932,240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(520,943,716)	(2,810,170,393)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2,304,999,785	3,735,919,635
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	537,375,104	698,204,978
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1,559,028,058	2,862,713,368

3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	208,596,623	175,001,289
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	48,640,568,954	41,843,930,486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	251,600,000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	251,600,000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	26,998,594,684	22,275,179,246
1. Tài sản cố định hữu hình	221	22,383,798,765	22,275,179,246
- Nguyên giá	222	98,473,691,458	94,453,172,789
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(76,089,892,693)	(72,177,993,543)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4,614,795,919	
- Nguyên giá	228	4,748,758,519	133,962,600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(133,962,600)	(133,962,600)
III. Bất động sản đầu tư	230		
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-

•

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	18,774,404,512	17,725,708,094
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18,774,404,512	17,725,708,094
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2,615,969,757	1,843,043,146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2,205,088,056	1,497,479,693
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	410,881,701	345,563,453
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	360,803,445,945	341,709,917,728

C - NỢ PHẢI TRẢ	300	171,744,727,002	160,511,242,914
I. Nợ ngắn hạn	310	169,330,414,499	159,886,478,181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8,774,372,445	14,209,454,465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3,252,787,102	11,151,896,459
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4,871,143,806	9,419,620,548
4. Phải trả người lao động	314	2,933,098,275	1,525,122,547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4,783,743,961	681,380,852

II. Nợ dài hạn	330	2,414,312,503	624,764,733
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2,414,312,503	624,764,733
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	189,058,718,943	181,198,674,814
I. Vốn chủ sở hữu	410	189,058,718,943	181,198,674,814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	148,495,780,000	148,495,780,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	148,495,780,000	148,495,780,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5,672,110,000	5,672,110,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(20,000)	(20,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	4,552,406,231	3,500,593,946

9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19,141,346,979	13,222,040,161
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21,069,236,226	1,899,608,322
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1,927,889,247)	11,322,431,839
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	11,197,095,733	10,308,170,707
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	360,803,445,945	341,709,917,728

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	509,108,192,756	390,538,408,231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6,424,908,363	4,388,889,639
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	502,683,284,393	386,149,518,592
4. Giá vốn hàng bán	11	402,448,524,090	319,552,670,260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	100,234,760,303	66,596,848,332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,208,355,182	2,028,581,218
7. Chi phí tài chính	22	11,263,670,827	7,677,512,790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	10,776,979,692	7,388,025,599
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,048,696,418	1,558,455,268
9. Chi phí bán hàng	24	56,106,940,893	25,476,149,231
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20,201,481,807	22,721,458,863
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14,919,718,376	14,308,763,934
12. Thu nhập khác	31	6,599,856,795	6,385,901,121
13. Chi phí khác	32	1,141,436,925	5,201,239,762
14. Lợi nhuận khác	40	5,458,419,870	1,184,661,359
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20,378,138,246	15,493,425,293
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,407,594,918	4,231,199,016
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(65,318,249)	(300,777,932)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16,035,861,577	11,563,004,209
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	15,646,936,551	11,322,431,839
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	388,925,026	240,572,370
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	1,054	762

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20,378,138,246	15,493,425,293
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	4,283,044,596	4,232,703,295
- Các khoản dự phòng	03	(5,513,052,074)	7,310,462,544
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3,184,862	43,628,625
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(862,371,650)	(1,584,214,545)
- Chi phí lãi vay	06	10,776,979,692	7,388,025,599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29,065,923,672	32,884,030,811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,835,482,142)	(23,412,138,491)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,335,304,637)	(53,737,622,922)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9,348,250,432)	8,789,288,052
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(546,778,489)	(110,183,952)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10,741,651,424)	(7,299,993,924)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8,243,599,263)	(3,177,320,384)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6,985,142,715)	(46,063,940,810)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9,881,227,228)	(4,082,339,585)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	205,500,000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51,089,975,800)	(32,307,000,000)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	53,096,975,800	38,733,035,050
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,538,057,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,050,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,130,597,589	1,741,835,129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,538,129,639)	11,597,473,594
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	343,115,406,915	305,079,312,595
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(317,721,790,223)	(266,328,124,427)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,580,062,213)	(3,141,210,897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16,813,554,479	35,609,977,271
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3,290,282,125	1,143,510,055
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8,545,805,292	7,402,031,777
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(113,899)	263,460
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11,835,973,518	8,545,805,292

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC KHẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Website: www.nagakawa.com.vn

Hotline: 1900 54 54 89